TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Trần Thị Kim Thắm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Văn Thị Dung – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tưởng – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bùi Văn T – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 2B, thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Chung Thị Bé B – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 2B, thị trấn Bảy N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/12/2022, Bản tự khai ngày 12/12/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị

Chung Thị Bé B kết hôn vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống rất hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn gia đình được. Nay, anh T gửi đơn đề nghị Tòa án yêu cầu được ly hôn với chị Chung Thị Bé B.

Về con chung: Anh và chị Chung Thị Bé B có 02 con chung các cháu tên là Bùi Thị Cẩm N (nữ) sinh ngày 07/6/1998 và cháu Bùi Thanh T (nam) sinh ngày 28/5/2003. Các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: không có.

Anh Bùi Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Chung Thị Bé B trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2023: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn vào năm nào chị không nhớ rõ, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn gia đình được. Nay, anh T gửi đơn đề nghị Tòa án yêu cầu được ly hôn với chị Chung Thị Bé B, chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung các cháu tên là Bùi Thị Cẩm N (nữ) sinh ngày 07/6/1998 và cháu Bùi Thanh T (nam) sinh ngày 28/5/2003. Các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Chị Chung Thị Bé B có yêu cầu xét xử vắng mặt

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T và chị B

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Chung Thị Bé B. Về con chung đã trưởng thành nên không đề cập xử lý. Về tài sản chung đương sự không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Bùi Văn T và chị Chung Thị Bé B do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Chung Thị Bé B. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do chị Chung Thị Bé B có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn và bị đơn đề có đơn yêu cầu không nhận tài liệu chứng cứ và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt anh T và chị B.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn T: Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn T và chị Chung Thị Bé B có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể sống chung với nhau, chị Bé B cũng xác nhận anh chị có quá nhiều bất đồng quan điểm sống. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn

cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Chung Thị Bé B.

[3.2] Về con chung: Quá trình sống chung anh Bùi Văn T và chị Chung Thị Bé B có hai con chung các cháu tên là Bùi Thị Cẩm N (nữ) sinh ngày 07/6/1998 và cháu Bùi Thanh T (nam) sinh ngày 28/5/2003. Hiện nay các con chung của anh, chị đã trưởng thành nên tòa án không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Bùi Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Chung Thị Bé B.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Bùi Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Bùi Văn T đã nộp theo biên lai số 0012297 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định cảu pháp luật

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND tt Bảy N;
- Lưu hồ sơ vụ án.